TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 7-2-2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Bùi Anh Tấn
2/ Bà Hồ Thị Minh Tâm
-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 2 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2022/TLST- HNGĐ ngày 4 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 6/01/2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Minh T, sinh năm: 1977 (Có đơn xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 26, ấp B, xã A, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn*: Anh Phan Văn T, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 26, ấp B, xã A, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 29/8/2022, nguyên đơn chị Trương Thị Minh T trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Phan Văn T do mai mối cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 1995. Chị và anh Tcó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh T, huyện C, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/KH, ngày 23/10/1995 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây thì chúng tôi đã phát sinh ra nhiều mâu thuẫn tình cảm và anh T có những hành động bạo lực, đánh tôi

nhiều lần gây thương tích Tôi đã nhiều lần gởi đơn đến UBND xã và được hòa giải, vì tôi nghĩ đến gia đình và con nên chấp nhận sống chung với anh Tuấn. Nhưng anh Tkhông thay đổi. Nay tôi đã không còn tình cảm gì với anh Tuấn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn T.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên là Phan Thị Như N, sinh năm: 1996; Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1998; Phan Thiện N, sinh năm: 2019. Hiện cháu N và cháu T đã trưởng thành. Còn cháu N đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phan Văn T***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Phan Văn T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị T .Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh Ttại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh Thiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 26, ấp B,, xã A, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng anh T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh Tuấn. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nhân cho chị T nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] *Về thủ tục tố tụng***:** Anh Phan Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Tvẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Trương Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Minh T và anh Phan Văn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị chị Trương Thị Minh T và anh Phan Văn T kết hôn với nhau vào năm 11995, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị T trình bày thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc. Khoảng thời gian gần đây thì đã phát sinh ra nhiều mâu thuẫn tình cảm và anh Tcó những hành động bạo lực, đánh chị nhiều lần gây thương tích, chị đã nhiều lần gởi đơn đến UBND xã và được hòa giải, vì chị nghĩ đến gia đình và con nên chấp nhận sống chung với anh Tuấn. Nhưng anh Tkhông thay đổi. Nay chị đã không còn tình cảm gì với anh Tuấn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phan Văn T. Xét thấy với thời gian dài chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng anh Tcũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị T. Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm với anh Tuấn. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh Tkhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: Có 03 con chung tên là Phan Thị Như N, sinh năm: 1996; Phan Thị Ngọc T , sinh năm: 1998; Phan Thiện N , sinh năm: 2019. Hiện cháu N và cháu T đã trưởng thành. Còn cháu N đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu N , không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N từ nhỏ sống với chị T, được chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Do đó để ổn định cuộc sống của cháu và cũng tạo điều kiện cho chị T chăm sóc cháu, nghĩ nên để chị T được nuôi cháu N là phù hợp, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Minh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của chị Chị Trương Thị Minh T được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên**,***

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Minh T. Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Minh T và anh Phan Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 17/KH, ngày 23/10/1995 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 03 con chung tên là Phan Thị Như N , sinh năm: 1996; Phan Thị Ngọc T , sinh năm: 1998; Phan Thiện N , sinh năm: 2019. Hiện cháu N và cháu T đã trưởng thành. Còn cháu N đang sống với chị T. Sau ly hôn chị T được nuôi dưỡng cháu Nhân, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Minh T trình bày tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003943 ngày 4/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Trương Thị Minh T và anh Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung